

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường năm học 2025 - 2026

1. Ngành đào tạo Công nghệ thông tin (7480201)

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Tiến sĩ	Thạc sĩ
		Đại học	Chính quy
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh		<ul style="list-style-type: none">- Tốt nghiệp THPT trở lên và,- Điểm trúng tuyển theo tổ hợp điểm thi tốt nghiệp THPT từ 15 điểm trở lên;- Điểm trúng tuyển theo điều kiện kết quả học tập THPT (theo đề án tuyển sinh) từ 18.0 trở lên;- Điểm trúng tuyển theo điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5.5 trở lên;- Điểm trúng tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG-HCM từ 550 trở lên;
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được		<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none">- PLO1: Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ sở ngành: thuật toán và cấu trúc dữ liệu, ngôn ngữ và kỹ thuật lập trình, cơ sở dữ liệu, các công nghệ web, mạng máy tính, và xu hướng công nghệ.- PLO2: Thực hiện được các công việc và tham gia được vào quy trình phát triển dự án CNTT và có đủ kỹ năng mềm để tham gia hiệu quả vào các nhóm dự án.- PLO3: Có khả năng phân tích thiết kế, phát triển, triển khai vận hành, đảm bảo an toàn thông tin, và bảo trì các hệ thống CNTT. <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none">- PLO4: Có thể lập trình với các ngôn ngữ lập trình và nền tảng phát triển như: Java, C#/NET, Python, nền tảng web/mobile, AI và IoT.- PLO5: Sử dụng được các công nghệ hiện đại để phát triển những hệ thống ứng dụng thông minh đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. <p>* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp:</p>



Handwritten signature

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
				<p>Chính quy</p> <p>- PLO6: Tuân thủ các quy tắc đạo đức và hành vi chuyên nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Về khả năng hội nhập và học tập suốt đời Có khả năng học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu, để bổ sung kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.</p> <p>* Về khả năng hội nhập:</p> <p>- PLO7: Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. - PLO8: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. - PLO9: Có thói quen cân nhắc khía cạnh đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dấn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...v.v</p>
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> • Chính sách: - Chính sách miễn giảm, học bổng cho sinh viên như học bổng phát triển tài năng, học bổng vượt khó, học bổng vì công lý, học bổng khuyến học. - Các quy chế, quy định như: quy chế sinh viên, quy tắc ứng xử cho sinh viên, quy định khen thưởng, kỷ luật; quy chế học tập, rèn luyện. - Sinh viên được đánh giá rèn luyện, chuyên cần. - Khuyến khích sinh viên tham gia Nghiên cứu khoa học với các hoạt động như tổ chức Hội thảo khoa học ở các Khoa cho sinh viên, ban hành quy định về công tác Nghiên cứu khoa học trong sinh viên. • Dịch vụ hỗ trợ: - Hỗ trợ giấy tờ cho sinh viên như xác nhận sinh viên, vay vốn, xe buýt...

STT	Nội dung	Tiền		Thạc																																		
		sĩ	sĩ	sĩ	sĩ																																	
		Trình độ đào tạo																																				
		Đại học																																				
		Chính quy																																				
		<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, tư vấn, giới thiệu nhà trọ; nơi thực tập. - Tư vấn tâm lý, sức khỏe cho sinh viên khi có nhu cầu - Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc trong học tập, đời sống sinh hoạt của sinh viên - Tổ chức gặp mặt sinh viên và ban giám hiệu hàng năm - Thông tin về lịch học, thi, chương trình của Nhà trường được thông báo qua nhiều kênh: bảng tin, email cá nhân, website, mạng xã hội... - Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình cho sinh viên như an toàn giao thông, lớp học kỹ năng, nghệ thuật... - Hỗ trợ kỹ năng học tập, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp qua các buổi talkshow, chuyên đề <ul style="list-style-type: none"> • Hoạt động, sinh hoạt: - Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động các Câu lạc bộ văn nghệ, học thuật cho sinh viên - Tổ chức văn nghệ, giao lưu học hỏi với các trường Đại học, Cao đẳng khác trong khu vực - Tổ chức các hoạt động phong trào: rung chuông vàng, hội trại truyền thống... - Tổ chức các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng: mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi. 																																				
		Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-DHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương																																				
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>Giáo dục tổng quát</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Ngoại ngữ</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.3</td> <td>Chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.4</td> <td>Thể chất và Quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> </tbody> </table>				TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12	1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2	Ngoại ngữ	18	18		1.3	Chính trị	11	11		1.4	Thể chất và Quốc phòng	9	6	3
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																				
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																		
1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12																																		
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																		
1.2	Ngoại ngữ	18	18																																			
1.3	Chính trị	11	11																																			
1.4	Thể chất và Quốc phòng	9	6	3																																		

STT	Nội dung	Tiên		Thạc		Trình độ đào tạo	
		sĩ	sĩ	sĩ	sĩ	Đại học	Chính quy
							<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư phát triển phần mềm - Nhân viên IT trong các cơ quan, doanh nghiệp - Chuyên viên quản trị mạng - Nhân viên kiểm thử phần mềm - Chuyên viên nghiên cứu phát triển các giải pháp AI, IoT - Chuyên viên đảm bảo an toàn thông tin - Chuyên viên đào tạo, huấn luyện CNTT - Các vị trí quản lý như Quản lý dự án CNTT, trưởng phòng IT - Tư vấn, triển khai các giải pháp chuyên đổi số - Khởi nghiệp với các dự án CNTT - Hoạch sinh viên có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.

2. Ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo (7480107)

STT	Nội dung	Tiên		Thạc		Trình độ đào tạo	
		sĩ	sĩ	sĩ	sĩ	Đại học	Chính quy
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh						Tương tự ngành CNTT

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>Chính quy</p> <p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO1: Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ sở Ngành, như toán cho học máy và AI, thuật toán và cấu trúc dữ liệu, ngôn ngữ và kỹ thuật lập trình, cơ sở dữ liệu, lập trình ứng dụng trên các nền tảng, thu thập và xử lý dữ liệu, chuyển đổi số và xu hướng công nghệ. - PLO2: Thực hiện được các công việc trong quá trình phát triển dự án AI, tham gia hiệu quả vào các nhóm dự án. - PLO3: Có khả năng đề xuất mô hình, giải pháp AI cho các bài toán thực tế; phân tích thiết kế, phát triển, triển khai vận hành, đảm bảo an toàn thông tin, và bảo trì các hệ thống thông minh. <p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO4: Có thể lập trình với các ngôn ngữ lập trình và nền tảng AI như: Java, C#/.NET, Python, nền tảng web/mobile, AI và IoT. - PLO5: Sử dụng được các công nghệ hiện đại (học máy, học sâu, thị giác máy tính, xử lý ngôn ngữ tự nhiên,...) để phát triển những hệ thống ứng dụng thông minh đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. <p>* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO6: Tuân thủ các quy tắc đạo đức và hành vi chuyên nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin/AI. <p>Về khả năng hội nhập và học tập suốt đời</p> <p>Có khả năng học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu, để bổ sung kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.</p> <p>* Về khả năng hội nhập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO7: Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Tiến sĩ	Thạc sĩ
		Đại học	
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<p>Chính quy</p> <p>- PLO8: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.</p> <p>- PLO9: Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dân thân với những câu hỏi lớn và đại đàng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Chính sách: <ul style="list-style-type: none"> - Chính sách miễn giảm, học bổng cho sinh viên như học bổng phát triển tài năng, học bổng vượt khó, học bổng vì công lý, học bổng khuyến học. - Các quy chế, quy định như: quy chế sinh viên, quy tắc ứng xử cho sinh viên, quy định khen thưởng, kỷ luật; quy chế học tập, rèn luyện. - Sinh viên được đánh giá rèn luyện, chuyên cần. - Khuyến khích sinh viên tham gia Nghiên cứu khoa học với các hoạt động như tổ chức Hội thảo khoa học ở các Khoa cho sinh viên, ban hành quy định về công tác Nghiên cứu khoa học trong sinh viên. ● Dịch vụ hỗ trợ: <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ giấy tờ cho sinh viên như xác nhận sinh viên, vay vốn, xe buýt... - Hướng dẫn, tư vấn, giới thiệu nhà trọ; nơi thực tập. - Tư vấn tâm lý, sức khỏe cho sinh viên khi có nhu cầu - Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc trong học tập, đời sống sinh hoạt của sinh viên - Tổ chức gặp mặt sinh viên và ban giám hiệu hằng năm - Thông tin về lịch học, thi, chương trình của Nhà trường được thông báo qua nhiều kênh: bảng tin, email cá nhân, website, mạng xã hội...

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trình độ đào tạo																																																											
				Đại học	Chính quy																																																										
					<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình cho sinh viên như an toàn giao thông, lớp học kỹ năng, nghệ thuật... - Hỗ trợ kỹ năng học tập, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp qua các buổi talkshow, chuyên đề <ul style="list-style-type: none"> • Hoạt động, sinh hoạt: - Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động các Câu lạc bộ văn nghệ, học thuật cho sinh viên - Tổ chức văn nghệ, giao lưu học hỏi với các trường Đại học, Cao đẳng khác trong khu vực - Tổ chức các hoạt động phong trào: rung chuông vàng, hội trại truyền thống... - Tổ chức các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng: mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi 																																																										
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện				<p>Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-ĐHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>Giáo dục tổng quát</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Ngoại ngữ</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.3</td> <td>Chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.4</td> <td>Thể chất và Quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>Ngành</td> <td>71</td> <td>65</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>2.1</td> <td>Cơ sở</td> <td>24</td> <td>24</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.2</td> <td>Cốt lõi</td> <td>29</td> <td>29</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.3</td> <td>Chuyên ngành</td> <td>12</td> <td></td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>2.4</td> <td>Lựa chọn liên ngành</td> <td>6</td> <td></td> <td>6</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12	1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2	Ngoại ngữ	18	18		1.3	Chính trị	11	11		1.4	Thể chất và Quốc phòng	9	6	3	2.	Ngành	71	65	6	2.1	Cơ sở	24	24		2.2	Cốt lõi	29	29		2.3	Chuyên ngành	12		12	2.4	Lựa chọn liên ngành	6		6
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																													
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																											
1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12																																																											
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																											
1.2	Ngoại ngữ	18	18																																																												
1.3	Chính trị	11	11																																																												
1.4	Thể chất và Quốc phòng	9	6	3																																																											
2.	Ngành	71	65	6																																																											
2.1	Cơ sở	24	24																																																												
2.2	Cốt lõi	29	29																																																												
2.3	Chuyên ngành	12		12																																																											
2.4	Lựa chọn liên ngành	6		6																																																											

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trình độ đào tạo			
				Đại học		Chính quy	
				3.	Tốt nghiệp	6	6
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	93
				4.	Tùy chọn mở rộng	45	45
				4.1	Song ngành	30	30
				4.2	Ngành phụ	15	15
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp cao hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Lĩnh vực nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi số - Công nghiệp phần mềm - Tư vấn xây dựng hệ thống thông minh - Kinh doanh sản phẩm phần mềm và AI - Dịch vụ phần mềm và CNTT - Dịch vụ giáo dục - Các lĩnh vực ứng dụng AI - Các lĩnh vực quản lý và xử lý dữ liệu ❖ Vị trí nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư phát triển dự án AI - Kiến trúc sư AI - Kỹ sư dữ liệu - Chuyên viên phân tích dữ liệu - Kỹ sư phát triển phần mềm - Chuyên viên nghiên cứu phát triển các giải pháp AI, IoT 			
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp						

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
				<p>Chính quy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên đào tạo, huấn luyện CNTT - Các vị trí quản lý như Giám đốc chuyên đổi số - Tư vấn, triển khai các giải pháp chuyên đổi số - Khởi nghiệp với các dự án CNTT - Chuyên viên nghiên cứu AI - Hoặc có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.

3. Ngành đào tạo Kỹ thuật phần mềm (7480103)

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			<p>Tương tự ngành CNTT</p>
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO1: Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ sở Ngành, như toán, thuật toán và cấu trúc dữ liệu, ngôn ngữ và kỹ thuật lập trình, cơ sở dữ liệu, lập trình ứng dụng trên các nền tảng. - PLO2: Hiểu rõ quy trình và thực hiện được các công việc trong quy trình phát triển dự án phần mềm, tham gia hiệu quả vào các nhóm dự án. - PLO3: Có khả năng đề xuất giải pháp cho các vấn đề thực tế phức tạp; lập kế hoạch, phân tích, thiết kế, xây dựng, triển khai, đảm bảo an toàn thông tin, và bảo trì các hệ thống phần mềm. <p>* Kỹ năng:</p>

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	
		Đại học		
				<p align="center">Chính quy</p> <p>- PL04: Lập trình được với các ngôn ngữ lập trình phổ biến và nền tảng phát triển ứng dụng, như Java, C#/.NET, C/C++, Python,...; các nền tảng web/mobile, và IoT; các framework Front End và Back End.</p> <p>- PL05: Tiếp cận được các công nghệ hiện đại (AI, IoT, Cloud,...) để phát triển những hệ thống thông minh đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số.</p> <p>* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>- PL06: Tuân thủ các quy tắc đạo đức và hành vi chuyên nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin.</p> <p>Về khả năng hội nhập và học tập suốt đời:</p> <p>Có khả năng học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu, để bổ sung kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.</p> <p>* Về khả năng hội nhập:</p> <p>- PL07: Có thói quen tự duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.</p> <p>- PL08: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.</p> <p>- PL09: Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dân thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...</p>
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>● Chính sách:</p> <p>- Chính sách miễn giảm, học bổng cho sinh viên như học bổng phát triển tài năng, học bổng vượt khó, học bổng vì công lý, học bổng khuyến học.</p> <p>- Các quy chế, quy định như: quy chế sinh viên, quy tắc ứng xử cho sinh viên, quy định khen thưởng, kỷ luật; quy chế học tập, rèn luyện.</p>

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo											
		Tiến sĩ	Thạc sĩ										
			<p align="center">Đại học</p> <p align="center">Chính quy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được đánh giá rèn luyện, chuyên cần. - Khuyến khích sinh viên tham gia Nghiên cứu khoa học với các hoạt động như tổ chức Hội thảo khoa học ở các Khoa cho sinh viên, ban hành quy định về công tác Nghiên cứu khoa học trong sinh viên. <ul style="list-style-type: none"> • Dịch vụ hỗ trợ: <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ giấy tờ cho sinh viên như xác nhận sinh viên, vay vốn, xe buýt... - Hướng dẫn, tư vấn, giới thiệu nhà trọ; nơi thực tập. - Tư vấn tâm lý, sức khoẻ cho sinh viên khi có nhu cầu - Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc trong học tập, đời sống sinh hoạt của sinh viên - Tổ chức gặp mặt sinh viên và ban giám hiệu hằng năm - Thông tin về lịch học, thi, chương trình của Nhà trường được thông báo qua nhiều kênh: bảng tin, email cá nhân, website, mạng xã hội... - Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình cho sinh viên như an toàn giao thông, lớp học kỹ năng, nghệ thuật... - Hỗ trợ kỹ năng học tập, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp qua các buổi talkshow, chuyên đề <ul style="list-style-type: none"> • Hoạt động, sinh hoạt: <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động các Câu lạc bộ văn nghệ, học thuật cho sinh viên - Tổ chức văn nghệ, giao lưu học hỏi với các trường Đại học, Cao đẳng khác trong khu vực - Tổ chức các hoạt động phong trào: rung chuông vàng, hội trại truyền thống. - Tổ chức các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng: mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi. 										
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<p>Ban hành CTĐT theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHTBĐ ngày 27/3/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="2">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tổng cộng	Tự chọn				
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ											
		Tổng cộng	Tự chọn										

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Tiến sĩ	Thạc sĩ
			<p>Đại học</p> <p>Chính quy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ giáo dục - Các lĩnh vực ứng dụng CNTT <p>❖ Vị trí nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư phát triển phần mềm - Kiến trúc sư phần mềm - Chuyên viên kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm - Chuyên viên phân tích nghiệp vụ - Chuyên viên tư vấn giải pháp CNTT - Quản lý dự án CNTT - Chuyên viên đào tạo, huấn luyện CNTT - Các vị trí quản lý như Giám đốc chuyên đổi số - Khởi nghiệp với các dự án CNTT - Hoặc có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.

4. Ngành Kế Toán (7340301)

STT	Nội dung	Đại học	
		Tiến sĩ	Thạc sĩ
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh		<p>Đại học</p> <p>Chính quy</p> <p>Tương tự ngành CNTT</p>
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được		<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO1: Kế toán tài chính: Xử lý nghiệp vụ, tổ chức hệ thống kế toán và lập báo cáo tài chính; - PLO2: Thuế: Tìm hiểu, cập nhật, thực thi tuân thủ và lập kế hoạch thuế phù hợp; - PLO3: Quản trị tài chính: Lập, trình bày và thuyết minh các phương án tài chính hỗ trợ ra quyết định;

STT	Nội dung	Trên sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy		
				<ul style="list-style-type: none"> - PLO4: Kế toán quản trị: Thiết lập ngân sách, kiểm soát chi phí, và tổ chức hệ thống báo cáo quản trị; - PLO5: Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo: Đánh giá hệ thống thông tin và kiểm soát nội bộ, thu thập bằng chứng và thực hiện các thủ tục để đáp ứng các mục tiêu của kiểm toán và đảm bảo; 		
				<ul style="list-style-type: none"> * Kỹ năng: - PLO6: Dữ liệu & công nghệ: Phân tích và đánh giá dữ liệu bằng cách sử dụng các công nghệ và công cụ tiên tiến nhằm hỗ trợ ra quyết định hiệu quả; - PLO7: Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống; - PLO8: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống; 		
				<ul style="list-style-type: none"> * Thái độ và đạo đức nghề nghiệp - PLO9: Cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dẫn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột; 		
				<ul style="list-style-type: none"> * Về khả năng hội nhập - PLO7: Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống; - PLO8: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. 		
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			Tương tự ngành CNTT		

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học																																																																															
				Chính quy																																																																															
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-ĐHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương																																																																															
				<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>Giáo dục tổng quát</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Ngoại ngữ</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.3</td> <td>Chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.4</td> <td>Thể chất và quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>Ngành</td> <td>71</td> <td>59</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>2.1</td> <td>Cơ sở</td> <td>23</td> <td>23</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.2</td> <td>Cốt lõi</td> <td>36</td> <td>36</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.3</td> <td>Chuyên ngành</td> <td>12</td> <td></td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>3.</td> <td>Tốt nghiệp</td> <td>6</td> <td></td> <td>6</td> </tr> <tr> <td></td> <td>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</td> <td>130</td> <td>100</td> <td>30</td> </tr> <tr> <td>4.</td> <td>Tùy chọn mở rộng</td> <td>45</td> <td></td> <td>45</td> </tr> <tr> <td>4.1</td> <td>Song ngành</td> <td>30</td> <td></td> <td>30</td> </tr> <tr> <td>4.2</td> <td>Ngành phụ</td> <td>15</td> <td></td> <td>15</td> </tr> </tbody> </table>		TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12	1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2	Ngoại ngữ	18	18		1.3	Chính trị	11	11		1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6	3	2.	Ngành	71	59	12	2.1	Cơ sở	23	23		2.2	Cốt lõi	36	36		2.3	Chuyên ngành	12		12	3.	Tốt nghiệp	6		6		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	100	30	4.	Tùy chọn mở rộng	45		45	4.1	Song ngành	30		30	4.2	Ngành phụ	15		15
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																																	
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																																															
1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12																																																																															
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																																															
1.2	Ngoại ngữ	18	18																																																																																
1.3	Chính trị	11	11																																																																																
1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6	3																																																																															
2.	Ngành	71	59	12																																																																															
2.1	Cơ sở	23	23																																																																																
2.2	Cốt lõi	36	36																																																																																
2.3	Chuyên ngành	12		12																																																																															
3.	Tốt nghiệp	6		6																																																																															
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	100	30																																																																															
4.	Tùy chọn mở rộng	45		45																																																																															
4.1	Song ngành	30		30																																																																															
4.2	Ngành phụ	15		15																																																																															
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.																																																																															

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> ❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Kinh doanh, kế toán, tài chính trong các công ty trong nước và quốc tế. - Tổ chức tài chính như Ngân hàng thương mại, Công ty chứng khoán, Công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư. ❖ Vị trí nghề nghiệp - Chuyên viên bộ phận quản trị tài chính - kế toán của các doanh nghiệp sản xuất thương mại, dịch vụ (doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị hành chính sự nghiệp); - Nhân viên các công ty tư vấn, dịch vụ kế toán - kiểm toán; - Chuyên viên kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp sản xuất thương mại, các định chế tài chính, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp của các quốc gia trong khu vực ASEAN; - Chuyên viên phân tích báo cáo, dữ liệu kế toán, tài chính. 	

5. Ngành Tài chính – Ngân hàng (7340201)

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PL01: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời. - PL02: Giải thích được các hiện tượng, nguyên lý nền tảng của kinh tế và kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. 	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
				<ul style="list-style-type: none"> - PLO3: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt là trong nghiệp vụ và quản trị ngân hàng, phân tích và đầu tư tài chính nhằm đưa ra quyết định phù hợp. Đồng thời, người học có thể thi lấy chứng chỉ hành nghề của Ủy ban chứng khoán, cũng như nâng cao trình độ để thi CFA level 1. - PLO4: Ứng dụng các kiến thức công nghệ mới trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng vào thực tiễn, nắm bắt và thường xuyên cập nhật các công nghệ mới trong ngành. 	
				<ul style="list-style-type: none"> * Kỹ năng: - PLO5: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc nhóm trong môi trường hội nhập. - PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) và sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng phục vụ cho công việc. - PLO7: Có kỹ năng sử dụng tin học văn phòng thành thạo. 	
				<ul style="list-style-type: none"> * Thái độ và đạo đức nghề nghiệp: - PLO8: Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; chủ động học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ và học tập suốt đời, linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. - PLO9: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. - PLO10: Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dấn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột... 	
				<ul style="list-style-type: none"> * Về khả năng hội nhập: - PLO5: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc nhóm trong môi trường hội nhập. 	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học																																																																										
				Chính quy																																																																										
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>- PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) và sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng phục vụ cho công việc.</p> <p>Tương tự ngành CNTT</p>																																																																										
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<p>Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-DHHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>Giáo dục tổng quát</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Ngoại ngữ</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.3</td> <td>Chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.4</td> <td>Thể chất và quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>Ngành</td> <td>71</td> <td>56</td> <td>15</td> </tr> <tr> <td>2.1</td> <td>Cơ sở ngành</td> <td>23</td> <td>23</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.2</td> <td>Cốt lõi ngành</td> <td>33</td> <td>33</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.3</td> <td>Chuyên ngành</td> <td>15</td> <td></td> <td>15</td> </tr> <tr> <td>3.</td> <td>Tốt nghiệp</td> <td>6</td> <td>0</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td></td> <td>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</td> <td>130</td> <td>97</td> <td>33</td> </tr> <tr> <td>4.</td> <td>Tùy chọn mở rộng</td> <td>45</td> <td>0</td> <td>45</td> </tr> <tr> <td>4.1</td> <td>Song ngành</td> <td>30</td> <td></td> <td>30</td> </tr> </tbody> </table>		TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12	1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2	Ngoại ngữ	18	18		1.3	Chính trị	11	11		1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6	3	2.	Ngành	71	56	15	2.1	Cơ sở ngành	23	23		2.2	Cốt lõi ngành	33	33		2.3	Chuyên ngành	15		15	3.	Tốt nghiệp	6	0	6		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33	4.	Tùy chọn mở rộng	45	0	45	4.1	Song ngành	30		30
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																												
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																																										
1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12																																																																										
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																																										
1.2	Ngoại ngữ	18	18																																																																											
1.3	Chính trị	11	11																																																																											
1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6	3																																																																										
2.	Ngành	71	56	15																																																																										
2.1	Cơ sở ngành	23	23																																																																											
2.2	Cốt lõi ngành	33	33																																																																											
2.3	Chuyên ngành	15		15																																																																										
3.	Tốt nghiệp	6	0	6																																																																										
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33																																																																										
4.	Tùy chọn mở rộng	45	0	45																																																																										
4.1	Song ngành	30		30																																																																										

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy		
				4.2	Ngành phụ	15
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường				15	15
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp					

◆ Lĩnh vực nghề nghiệp:

- Kinh doanh, kế toán, tài chính trong các công ty trong nước và quốc tế.
- Tổ chức tài chính như Ngân hàng thương mại, Công ty chứng khoán, Công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư.

◆ Vị trí nghề nghiệp:

- Chuyên gia phân tích tài chính tại các doanh nghiệp và các định chế tài chính: các quỹ đầu tư, kinh doanh bất động sản, công ty tài chính, bảo hiểm, chứng khoán, ngân hàng thương mại...;
- Chuyên gia hoạch định tài chính, kiểm soát chi phí và hoạch định dòng ngân lưu cho các doanh nghiệp và các định chế tài chính;
- Chuyên gia phân tích đầu tư và môi giới tại các công ty chứng khoán;
- Chuyên gia quản trị và định giá tài sản tài chính (bao gồm cả bất động sản) cho các doanh nghiệp, các định chế tài chính, các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư và những người có thu nhập khác ở Việt Nam;
- Chuyên gia phân tích và thiết lập các chương trình quản trị rủi ro cho doanh nghiệp và ngân hàng;
- Chuyên gia thiết lập các mô hình tài chính hiệu quả cho các doanh nghiệp và các định chế tài chính;
- Chuyên gia tín dụng và đầu tư tại các bộ phận tín dụng ở các ngân hàng thương mại;
- Chuyên gia kinh doanh ngoại hối tại bộ phận kinh doanh ngoại hối và đầu tư ở các ngân hàng thương mại;

STT	Nội dung	Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
				<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia quản lý và kinh doanh vốn ở các công ty tài chính và ngân hàng thương mại; - Chuyên gia tư vấn tài chính tại các công ty kiểm toán trong nước và quốc tế; - Các vị trí cấp cao như quản lý bộ phận, giám đốc chi nhánh, giám đốc tài chính, giám đốc điều hành. 	

6. Ngành Quản trị kinh doanh (7340101)

STT	Nội dung	Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức:</p> <p>PL01: Ứng dụng kiến thức kinh tế học để nhận định tình hình kinh tế và thị trường;</p> <p>PL02: Thiết lập và thực hiện các hoạt động và dự án kinh doanh theo quy trình quản lý (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát);</p> <p>PL03 : Sử dụng các ứng dụng công nghệ để xử lý và phân tích số liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định kinh doanh;</p> <p>PL04: Lập và phân tích báo cáo tài chính, danh mục đầu tư, báo cáo phân tích kinh doanh của các doanh nghiệp;</p> <p>PL05: Tổ chức hoạt động bán hàng, chăm sóc khách hàng;</p> <p>PL06: Theo chuyên ngành:</p> <p>PL06.1: Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp: Lãnh đạo đội nhóm linh hoạt và nhạy bén trong bối cảnh kinh doanh toàn cầu.</p> <p>PL06.2: Chuyên ngành Digital Marketing: Tiếp thị sản phẩm/dịch vụ một cách độc đáo và hiệu quả trên nền tảng số.</p>	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
					<p>PLO6.3: Chuyên ngành Kinh Doanh Bất Động Sản: Lập kế hoạch đầu tư; Xây dựng sản phẩm; Định giá và kinh doanh bất động sản.</p> <p>PLO6.4: Chuyên ngành Quản Trị Khởi Nghiệp: Sáng tạo các mô hình kinh doanh, huy động nhân lực và vốn, và lập chiến lược khởi nghiệp hiệu quả.</p> <p>PLO6.5: Chuyên ngành Truyền Thông - Đa Phương Tiện (chuyên ngành sâu): Xây dựng nội dung truyền thông sắc nét, hợp xu thế và tạo được tác động mong muốn; tự tin nói trước công chúng, truyền tải thông điệp hiệu quả bằng nhiều kênh.</p>
					<p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO7: Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (biện chứng, phân tích, phán đoán); - PLO8: Có kỹ năng làm việc nhóm; - PLO9: Có kỹ năng giao tiếp bằng lời nói và thuyết trình, kỹ năng viết chuyên ngành; - PLO10: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; - PLO11: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp trong công tác quản trị.
					<p>* Về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO12: Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp của ngành, chuyên ngành; - PLO13: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học.
					<p>* Về khả năng hội nhập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO14: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản, phối hợp phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động nhóm; - PLO15: Sử dụng lưu loát các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương;

STT	Nội dung	Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học																																																																																				
				Chính quy																																																																																				
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			Đại học																																																																																				
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Đại học																																																																																				
				Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-DHTTBĐ ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương																																																																																				
				Tương tự ngành CNTT																																																																																				
				<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1.</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.2.</td> <td>Ngoại ngữ</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.3.</td> <td>Chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.4.</td> <td>Thế chất và quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>NGÀNH</td> <td>71</td> <td>56</td> <td>15</td> </tr> <tr> <td>2.1.</td> <td>Cơ sở ngành</td> <td>23</td> <td>23</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.2.</td> <td>Cốt lõi ngành</td> <td>33</td> <td>33</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.3.</td> <td>Chuyên ngành</td> <td>15</td> <td></td> <td>15</td> </tr> <tr> <td>3.</td> <td>TỐT NGHIỆP</td> <td>6</td> <td></td> <td>6</td> </tr> <tr> <td colspan="2">TỔNG SỐ TÍN CHỈ</td> <td>130</td> <td>97</td> <td>33</td> </tr> <tr> <td colspan="4"></td> <td colspan="3"> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>TỰ CHỌN MỞ RỘNG</th> <th></th> <th></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4.1. Song ngành</td> <td>30</td> <td>30</td> </tr> <tr> <td>4.</td> <td>45</td> <td>45</td> </tr> </tbody> </table> </td> </tr> </tbody> </table>			TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	Chính trị	11	11		1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	56	15	2.1.	Cơ sở ngành	23	23		2.2.	Cốt lõi ngành	33	33		2.3.	Chuyên ngành	15		15	3.	TỐT NGHIỆP	6		6	TỔNG SỐ TÍN CHỈ		130	97	33					<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>TỰ CHỌN MỞ RỘNG</th> <th></th> <th></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4.1. Song ngành</td> <td>30</td> <td>30</td> </tr> <tr> <td>4.</td> <td>45</td> <td>45</td> </tr> </tbody> </table>			Số tín chỉ			TỰ CHỌN MỞ RỘNG			4.1. Song ngành	30	30	4.	45	45
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																																						
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																																																				
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																																																																				
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																																																				
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																																																																					
1.3.	Chính trị	11	11																																																																																					
1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3																																																																																				
2.	NGÀNH	71	56	15																																																																																				
2.1.	Cơ sở ngành	23	23																																																																																					
2.2.	Cốt lõi ngành	33	33																																																																																					
2.3.	Chuyên ngành	15		15																																																																																				
3.	TỐT NGHIỆP	6		6																																																																																				
TỔNG SỐ TÍN CHỈ		130	97	33																																																																																				
				<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>TỰ CHỌN MỞ RỘNG</th> <th></th> <th></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4.1. Song ngành</td> <td>30</td> <td>30</td> </tr> <tr> <td>4.</td> <td>45</td> <td>45</td> </tr> </tbody> </table>			Số tín chỉ			TỰ CHỌN MỞ RỘNG			4.1. Song ngành	30	30	4.	45	45																																																																						
Số tín chỉ																																																																																								
TỰ CHỌN MỞ RỘNG																																																																																								
4.1. Song ngành	30	30																																																																																						
4.	45	45																																																																																						

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy		
				4.2.	Ngành phụ	15
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường					15
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp					

Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.

- Nhân viên trong các bộ phận kinh doanh, Marketing, Truyền thông - Quảng cáo, Hành chính, Nhân Sự, Logistics của các công ty trong nước và doanh nghiệp nước ngoài;
- Chuyên viên phân tích kinh doanh và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp;
- Nhân viên các bộ phận kinh doanh, marketing, hành chính, nhân sự, truyền thông, quảng cáo, logistics trong các công ty, tổ chức, tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp tư nhân;
- Làm chủ cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp.

7. Ngành Marketing (7340115)

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh				
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được				

Tương tự ngành CNTT

* Kiến thức:

- PLO1: Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên để giải thích, phân tích các vấn đề kinh tế;
- PLO2: Sinh viên vận dụng được những kiến thức kinh tế và quản lý để giải quyết các vấn đề trong quá trình tham gia thực hiện và điều hành hoạt động marketing của doanh nghiệp;
- PLO3: Sinh viên có khả năng phát triển các kiến thức chuyên sâu để thực hiện các hoạt động marketing trong các loại hình doanh nghiệp;

STT	Nội dung	Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
				<ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức cơ sở ngành: trang bị các kiến thức như hành vi khách hàng, thống kê kinh doanh, marketing căn bản, nghiên cứu marketing, thương mại điện tử,... giúp sinh viên hiểu và định hình các hoạt động trong ngành Marketing và xu hướng phát triển của ngành. + Kiến thức cốt lõi ngành: giúp sinh viên có kiến thức sâu hơn về các hoạt động chính của ngành như hoạt động quản trị marketing tổng thể, quản trị và phát triển sản phẩm mới, chiến lược định giá, quản trị phân phối thông qua trải nghiệm tại doanh nghiệp và ứng dụng các tình huống thực tế. + Kiến thức chuyên ngành: sinh viên có khả năng ứng dụng các kiến thức chuyên sâu trong hoạt động có nhu cầu cao từ thị trường như digital marketing, quản trị quan hệ khách hàng, marketing quốc tế, truyền thông, tổ chức sự kiện và tài trợ, quản trị thương hiệu, quan hệ công chúng và quảng cáo. + Kiến thức bổ trợ: sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong ngành marketing; ngoại ngữ cũng được chú trọng đào tạo giúp sinh viên gia tăng khả năng tiếp cận môi trường làm việc quốc tế. 	
				<p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PL04: Sinh viên có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ cần thiết để đáp ứng yêu cầu vị trí nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập; + Kỹ năng cơ bản: sinh viên được đào tạo các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm nhằm gia tăng khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng và đối tác khi hành nghề. + Kỹ năng chuyên môn: sinh viên được kỹ năng vận dụng kiến thức và thực tế trong những bối cảnh khác nhau, kỹ năng phân tích tổng hợp thông tin, hoạch định chiến lược, lập kế hoạch và tổ chức triển khai, đánh giá, tư duy sáng tạo, khả năng phân đoán và ra quyết định. 	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học												
				Chính quy												
				<ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng hỗ trợ: sinh viên có khả năng sử dụng công nghệ và các thiết bị như quay phim, chụp hình giúp thực hiện các công việc hiệu quả hơn. + Kỹ năng giúp hội nhập: cung cấp cho sinh viên kỹ năng thích ứng và tự tin xây dựng và triển khai chiến lược marketing và truyền thông cho các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước. 												
				<ul style="list-style-type: none"> * Về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp - PLO5: Sinh viên phát huy năng lực và phẩm chất cá nhân, có trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần học tập suốt đời. + Sinh viên được định hướng và theo đuổi các chuẩn mực đạo đức phù hợp với ngành nghề Marketing, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng. + Sinh viên luôn phát huy tinh thần học tập và phát triển các kiến thức, kỹ năng của ngành marketing. 												
				<ul style="list-style-type: none"> * Về khả năng hội nhập - Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản, phối hợp phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động nhóm. 												
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			Tương tự ngành CNTT												
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-ĐHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương	<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Số tín chỉ</th> <th colspan="2"></th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>53</td> <td>41</td> </tr> <tr> <td>1. GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td> <td></td> <td>12</td> </tr> </tbody> </table>	Số tín chỉ			Tổng cộng	Tự chọn		53	41	1. GIÁO DỤC TỔNG QUÁT		12
Số tín chỉ																
	Tổng cộng	Tự chọn														
	53	41														
1. GIÁO DỤC TỔNG QUÁT		12														

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học				
				Chính quy				
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phòng	15	6	9
				1.2.	Ngoại ngữ	18	18	
				1.3.	Chính trị	11	11	
				1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3
				2.	NGÀNH	71	56	15
				2.1.	Cơ sở ngành	23	23	
				2.2.	Cốt lõi ngành	33	33	
				2.3.	Chuyên ngành	15		15
				3.	TỐT NGHIỆP	6		6
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33
				4.	TỰY CHỌN MỞ RỘNG	45		45
				4.1.	Song ngành	30		30
				4.2.	Ngành phụ	15		15
				6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			<p>Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.</p> <p>- Nghiên cứu thị trường: chuyên viên nghiên cứu thị trường, chuyên viên phân tích dữ liệu, chuyên viên phòng vấn chuyên gia... Sau 1 – 2 năm trở thành Giám đốc nghiên cứu thị trường.</p> <p>- Quảng cáo: chuyên viên quảng cáo, nhân viên quảng cáo, chuyên viên nội dung... Sau 1 – 2 năm trở thành Giám đốc truyền thông.</p>

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
					Chính quy
					<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông: trợ lý truyền thông, nhân viên truyền thông, chuyên viên tư vấn chiến lược truyền thông, chuyên viên truyền thông nội bộ. Sau 1 – 2 năm trở thành Giám đốc truyền thông. - Thương hiệu: chuyên viên phát triển thương hiệu, chuyên viên quản trị danh mục thương hiệu (dịch vụ, sản phẩm, công ty con...), chuyên viên hình ảnh thương hiệu kênh online hoặc offline, chuyên viên kiểm soát và đo lường mức độ tương tác của thương hiệu trên thị trường. Sau 1 – 2 năm trở thành Giám đốc thương hiệu. - Quan hệ công chúng: chuyên viên quan hệ báo chí, chuyên viên quan hệ cộng đồng, chuyên viên tổ chức sự kiện, chuyên viên phân tích và tư vấn quan hệ công chúng. Sau 1 – 2 năm trở thành Giám đốc quan hệ công chúng. - Marketing trực tiếp: chuyên viên điều phối tự động hóa, chuyên viên SEO, chuyên viên quản lý truyền thông xã hội, chuyên viên SEM... Sau 1 – 2 năm trở thành Giám đốc Digital marketing. - Chuyên viên nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực marketing, giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp về marketing. - Khởi nghiệp trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực marketing cho các doanh nghiệp và tổ chức.

8. Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (7510605)

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
					Chính quy
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh				Tương tự ngành CNTT
2					* Kiến thức:

STT	Nội dung	Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>- PLO1: Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội và con người để phục vụ cho sự phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân;</p> <p>- PLO2: Sinh viên có khả năng đánh giá và nhận định sự đa dạng trong kinh doanh và môi trường quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, phân tích và thiết kế hệ thống hậu cần trong nước và quốc tế;</p> <p>- PLO3: Sinh viên ứng dụng các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm lập kế hoạch nhu cầu, mua hàng, kiểm soát hàng tồn kho, xử lý vật liệu, vận chuyển, kho bãi, đóng gói, sản phẩm và hỗ trợ dịch vụ và chiến lược chuỗi cung ứng;</p> <p>+ Kiến thức cơ sở ngành: trang bị các kiến thức như các nguyên lý của kinh tế học, thống kê kinh doanh, quản lý doanh nghiệp hiện đại, nguyên lý kế toán, marketing căn bản, thương mại điện tử, môi trường kinh doanh quốc tế... giúp sinh viên hiểu và định hình các hoạt động trong ngành kinh doanh quốc tế và xu hướng phát triển của ngành.</p> <p>+ Kiến thức cốt lõi ngành: giúp sinh viên vận dụng có kiến thức liên quan đến các hoạt động chính của ngành như hoạt động quản trị logistics, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị marketing, quản trị kinh doanh quốc tế, đồng thời giúp sinh viên thông hiểu và vận dụng tốt các kiến thức ngành thông qua chuyên đề, đề án cơ sở.</p> <p>+ Kiến thức chuyên ngành: các kiến thức chuyên ngành như quản trị nhân sự, marketing quốc tế, hệ thống thông tin logistics và chuỗi cung ứng, quản trị thu mua, quản trị vận hành, quản trị vận tài quốc tế, quản trị kho, bảo hiểm vận tải, quản trị xuất nhập khẩu, quản trị chiến lược chuỗi cung ứng được truyền tải đến các bạn sinh viên. Giúp sinh phân tích, đánh giá và áp dụng vào hoạt động lưu thông nguyên vật liệu và hàng hóa từ nhà cung cấp đến tay người tiêu dùng.</p> <p>+ Kiến thức chuyên ngành: các kiến thức chuyên ngành như quản trị nhân sự, marketing quốc tế, hệ thống thông tin logistics và chuỗi cung ứng, quản trị thu mua, quản trị vận hành, quản trị vận tài quốc tế, quản trị kho, bảo hiểm vận tải, quản trị xuất nhập khẩu, quản trị chiến lược chuỗi cung ứng được truyền tải đến các bạn sinh viên. Giúp sinh phân tích, đánh giá và áp dụng vào hoạt động lưu thông nguyên vật liệu và hàng hóa từ nhà cung cấp đến tay người tiêu dùng.</p>	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
				Chính quy
				<p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO4: Trang bị cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có thể thích ứng nhanh với sự thay đổi và phát triển của khoa học công nghệ; + Kỹ năng cơ bản: sinh viên được đào tạo các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm nhằm gia tăng khả năng hội nhập nhanh với môi trường làm việc. + Kỹ năng chuyên môn: sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp trong việc vận dụng kiến thức vào thực tế trong những bối cảnh khác nhau, kỹ năng phân tích tổng hợp thông tin, hoạch định chiến lược, lập kế hoạch và tổ chức triển khai, đánh giá, tư duy sáng tạo, khả năng phán đoán và ra quyết định nhằm giúp sinh viên tiếp cận và thực hiện công việc với hiệu suất cao. + Kỹ năng hỗ trợ: sinh viên có khả năng sử dụng công nghệ và các thiết bị, phần mềm liên quan đến ngành nghề logistics và chuỗi cung ứng nhằm ứng thích ứng nhanh với yêu cầu công việc, gia tăng khả năng hiểu và thiết kế hệ thống. + Kỹ năng giúp hội nhập: cung cấp cho sinh viên kỹ năng thích ứng và tự tin thiết kế và vận hành hệ thống quản lý hàng hóa và nguyên liệu.
				<p>* Về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO5: Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc. + Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của ngành đối với bối cảnh xã hội, môi trường; từ đó thể hiện trách nhiệm và đạo đức với ngành nghề, cộng đồng, xã hội, môi trường. + Sinh viên nhận diện và thích nghi với sự khác biệt văn hóa trong môi trường làm việc quốc tế, hình thành ý tưởng khởi nghiệp liên quan đến hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. <p>* Về khả năng hội nhập:</p>

STT	Nội dung	Trên sĩ	Thạc sĩ	Đại học																																																																
				Chính quy																																																																
				<p>Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản, phối hợp phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động nhóm.</p>																																																																
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>Tương tự ngành CNTT</p>																																																																
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<p>Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-DHTTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1.</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.2.</td> <td>Ngoại ngữ</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.3.</td> <td>Chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.4.</td> <td>Thể chất và quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>NGÀNH</td> <td>71</td> <td>56</td> <td>15</td> </tr> <tr> <td>2.1.</td> <td>Cơ sở ngành</td> <td>23</td> <td>23</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.2.</td> <td>Cốt lõi ngành</td> <td>33</td> <td>33</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.3.</td> <td>Chuyên ngành</td> <td>15</td> <td></td> <td>15</td> </tr> <tr> <td>3.</td> <td>TỐT NGHIỆP</td> <td>6</td> <td></td> <td>6</td> </tr> <tr> <td></td> <td>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</td> <td>130</td> <td>97</td> <td>33</td> </tr> </tbody> </table>		TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	Chính trị	11	11		1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	56	15	2.1.	Cơ sở ngành	23	23		2.2.	Cốt lõi ngành	33	33		2.3.	Chuyên ngành	15		15	3.	TỐT NGHIỆP	6		6		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																																
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																																																
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																																
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																																																	
1.3.	Chính trị	11	11																																																																	
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3																																																																
2.	NGÀNH	71	56	15																																																																
2.1.	Cơ sở ngành	23	23																																																																	
2.2.	Cốt lõi ngành	33	33																																																																	
2.3.	Chuyên ngành	15		15																																																																
3.	TỐT NGHIỆP	6		6																																																																
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33																																																																

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy		
				4. TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45	45
				4.1. Song ngành	30	30
				4.2. Ngành phụ	15	15
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.</p>		
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên trong các bộ phận kinh doanh, Marketing, Truyền thông - Quảng cáo, Hành chính, Nhân Sự, Logistics của các công ty trong nước và doanh nghiệp nước ngoài; - Chuyên viên phân tích kinh doanh và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp; - Nhân viên các bộ phận kinh doanh, marketing, hành chính, nhân sự, truyền thông, quảng cáo, logistics trong các công ty, tổ chức, tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp tư nhân; - Làm chủ cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp. 		

9. Ngành Luật (7380101)

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ			<p>* Kiến thức cơ bản: Sinh viên có kiến thức cơ bản về giáo dục tổng quát, bao gồm kiến thức PLO-1. và kỹ năng giáo dục khai phóng, lý luận chính trị.</p>	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
	ngoại ngữ đạt được				
				<p>PL-O-2. Sinh viên có lối tư duy logic để có thể áp dụng những quy định pháp luật trong thực tiễn hoặc có lý luận logic để lý giải những vấn đề mới nảy sinh.</p> <p>PL-O-3. Sinh viên có kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật; phân biệt được các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p>* Kiến thức nghề nghiệp:</p> <p>PL-O-4. Sinh viên hiểu, áp dụng và phân tích được những tính huống pháp luật trong một số lĩnh vực như hình sự, dân sự, lao động, đất đai, hành chính...</p> <p>PL-O-5. Sinh viên có kiến thức cơ bản về những quy định, tập quán quốc tế trong lĩnh vực công pháp, tư pháp;</p> <p>PL-O-6. Sinh viên áp dụng được các thủ tục tố tụng trong hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hình sự;</p> <p>PL-O-7. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan như: hợp đồng, thừa kế, bộ máy nhà nước, tội phạm học, phân tích, thống kê và dự báo được tình hình tội phạm;</p> <p>PL-O-8. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để tham gia, tư vấn, bảo chữa các vụ án hình sự, dân sự, hành chính;</p> <p>* Kỹ năng cơ bản và nghề nghiệp:</p> <p>PL-O-9. Có kỹ năng mềm (như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian...) và các kỹ năng thực hành pháp luật cơ bản như kỹ năng giao tiếp với khách hàng, kỹ năng nói, viết và nghiên cứu pháp luật, kỹ năng phân tích án lệ, kỹ năng tư vấn, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại, kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại, kinh doanh quốc tế...;</p>	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
					<p>Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và sử dụng những thành tựu mới về khoa học pháp lý để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực pháp luật được đào tạo; có năng lực tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn thông thường và phức tạp, đột xuất;</p> <p>PLO-10.</p> <p>Có kỹ năng tư vấn pháp luật hoặc giải quyết các vụ việc có liên quan đến pháp luật về kinh tế, dân sự, hình sự, hành chính...;</p> <p>* Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>PLO-11.</p> <p>Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống;</p> <p>PLO-12.</p> <p>Quan lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống;</p> <p>PLO-13.</p> <p>Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dấn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...</p> <p>PLO-14.</p> <p>Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp ngành, chuyên ngành;</p> <p>* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>- Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp ngành, chuyên ngành;</p> <p>- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học</p>

STT	Nội dung	Trên sĩ	Thạc sĩ	Đại học																																																											
				Chính quy																																																											
				<p>- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế đã được đào tạo;</p> <p>- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về pháp lý.</p>																																																											
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>Tương tự ngành CNTT</p> <p>Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-DHTBĐ ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p>																																																											
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>GIÁO DỤC TÔNG QUÁT</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1.</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.2.</td> <td>Ngoại ngữ</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.3.</td> <td>chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.4.</td> <td>Thế chất và quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>NGÀNH</td> <td>71</td> <td>59</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>2.1.</td> <td>Cơ sở ngành</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.2.</td> <td>Cốt lõi ngành</td> <td>41</td> <td>41</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.3</td> <td>Thực tiễn nghề nghiệp (định hướng chuyên ngành)</td> <td>12</td> <td></td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>3.</td> <td>TỐT NGHIỆP</td> <td>6</td> <td></td> <td>6</td> </tr> </tbody> </table>		TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TÔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	chính trị	11	11		1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	59	12	2.1.	Cơ sở ngành	18	18		2.2.	Cốt lõi ngành	41	41		2.3	Thực tiễn nghề nghiệp (định hướng chuyên ngành)	12		12	3.	TỐT NGHIỆP	6		6
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																													
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																											
1.	GIÁO DỤC TÔNG QUÁT	53	41	12																																																											
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																											
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																																												
1.3.	chính trị	11	11																																																												
1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3																																																											
2.	NGÀNH	71	59	12																																																											
2.1.	Cơ sở ngành	18	18																																																												
2.2.	Cốt lõi ngành	41	41																																																												
2.3	Thực tiễn nghề nghiệp (định hướng chuyên ngành)	12		12																																																											
3.	TỐT NGHIỆP	6		6																																																											

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy		
				TỔNG SỐ TÍN CHỈ		
				130	100	30
				4. TÙY CHỌN MỞ RỘNG		
					45	45
				4.1 Song ngành	30	30
				4.2 Ngành phụ	15	15
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.</p>		
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			<p>- Chuyên viên pháp lý: Làm việc ở các tổ chức kinh tế và tổ chức phi chính phủ với những công việc liên quan đến đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; đề xuất giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong kinh doanh.</p> <p>- Viên chức, công chức quản lý nhà nước: Phụ trách các công việc liên quan đến pháp luật và kinh tế trong các cơ quan nhà nước (các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), trong các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.</p> <p>- Thẩm phán, thư ký tòa án: Ứng tuyển công chức vào các tòa án để đảm nhiệm vị trí thư ký tòa án. Sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm xử lý sẽ được đề cử tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn và bổ nhiệm chức danh thẩm phán. Người được bổ nhiệm thẩm phán sẽ được nhân danh nhà nước tiến hành xét xử các vụ tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, xét xử các tội phạm và quyết định các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tư pháp.</p> <p>- Trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp lý: Làm việc tại các trung tâm tư vấn trong lĩnh vực kinh tế và pháp luật.</p> <p>- Luật sư: Điều kiện tiên quyết để trở thành luật sư là tốt nghiệp tối thiểu đại học ngành luật. Và sau khi trải qua một khóa nghiệp vụ luật sư và thời gian tập sự theo quy định, cử nhân luật có thể</p>		

STT	Nội dung	Triển sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
				<p>làm thủ tục xin cấp thẻ hành nghề luật sư. Nhờ đó, có thể tự mình tư vấn, đại diện, bào chữa cho đương sự, các doanh nghiệp tại các phiên tòa hoặc tại các cơ quan quản lý nhà nước.</p> <p>- Công chứng viên: Điều kiện tiên quyết để trở thành công chứng viên là tốt nghiệp tối thiểu đại học ngành luật, công với một khóa nghiệp vụ công chứng viên và trải qua thời gian tập sự 12 tháng, cư nhân luật có thể xin cấp thẻ hành nghề công chứng viên. Người trở thành công chứng viên có thể mở văn phòng công chứng hoặc hợp tác mở văn phòng công chứng để thực hiện các dịch vụ pháp lý theo quy định pháp luật.</p> <p>- Khởi nghiệp nghề luật: Sau khi tích lũy một số kinh nghiệm thực tiễn, người tốt nghiệp cử nhân luật có thể mở văn phòng luật sư, thành lập các công ty luật, hoặc công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn doanh nghiệp.</p>	

10. Ngành Quản lý Nhà nước (7310205)

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Triển sĩ	Thạc sĩ
		Đại học	
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh		<p>Đại học (Chính quy)</p> <p>Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thái Bình Dương.</p> <p>1. Về kiến thức:</p> <p>PLO-1: Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa, và truyền thống dân tộc vào việc phân tích và thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước và dịch vụ công.</p> <p>PLO-2: Vận dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và thực tiễn cơ bản về quản lý nhà nước, chính sách công, và pháp luật để phân tích và giải quyết các vấn đề quản lý hành chính.</p> <p>2. Về kỹ năng:</p>
2	Mức tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được		

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Tiến sĩ	Đại học
		Thạc sĩ	Đại học (Chính quy)
			<p>PLO-3: Phát triển khả năng giao tiếp và tương tác hiệu quả, thân thiện trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, bao gồm giao tiếp văn bản, phi văn bản, và hợp tác đa ngành.</p> <p>PLO-4: Có kỹ năng tóm tắt, phân tích, tổng hợp, và đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật, và chính sách công để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý nhà nước.</p> <p>PLO-5: Có kỹ năng phân biện, diễn đạt, và trình bày bằng lời nói hoặc văn bản các quan điểm, lập luận, và giải pháp quản lý nhà nước, đồng thời biết soạn thảo các văn bản hành chính và chính sách công.</p> <p>3. Trình độ ngoại ngữ và năng lực số:</p> <p>PLO-6: Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, tra cứu thông tin, và đáp ứng yêu cầu năng lực số theo quy định hiện hành.</p> <p>4. Về thái độ (Mức tự chủ và trách nhiệm):</p> <p>PLO-7: Trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị và tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật, liêm chính, và đạo đức công vụ; cam kết phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, và hài hòa lợi ích công dân.</p> <p>PLO-8: Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, sáng tạo, và tự chủ trong quản lý nhà nước; có khả năng thích ứng với môi trường thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và nhóm, đồng thời hướng dẫn và giám sát người khác trong thực hiện nhiệm vụ công.</p>
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<p>Hoạt động Đoàn - Hội và Câu lạc bộ: Sinh viên được tham gia vào các phong trào lớn như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hội trại và Hội thao thường niên. Ngoài ra, người học có thể thể hiện bản thân tại đa dạng các câu lạc bộ (CLB) như: CLB Nghệ Thuật, Khởi nghiệp, English, Guitar, Dancing, các CLB thể thao bộ môn và thiện nguyện.</p> <p>Thư viện: Cung cấp không gian thông tin hiện đại với các khu vực làm việc nhóm, học tập độc lập và khu vực học tập chung. Thư viện hoạt động theo mô hình "không gian tự quản", mở rộng tới đa giờ hoạt động theo nhu cầu của sinh viên và hướng tới mục tiêu phục vụ 24/7.</p>

Trình độ đào tạo

Đại học

Đại học (Chính quy)

STT	Nội dung	Tiên sĩ	Thạc sĩ	Trình độ đào tạo																																																																	
				Đại học																																																																	
				<p>Đời sống Ký túc xá: Sinh viên trải nghiệm cuộc sống "khai phóng" tại TBD Campus Resort nằm ngay trong khuôn viên trường. Môi trường này giúp người học phát triển trí thông minh cảm xúc, trách nhiệm cá nhân và năng lực xây dựng các mối quan hệ.</p> <p>Thế dục thể thao: Người học được rèn luyện sức khỏe tại Trung tâm Thế dục thể thao đa năng với các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ. Nhà trường đang tiến tới hoàn thiện thêm các hạng mục sân tennis, bóng bàn và võ thuật.</p> <p>Ban hành theo Quyết định số 339/QĐ-DHTTBD ngày 12/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.</p>																																																																	
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>THÀNH PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1</td> <td>Lý luận chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Thế chất và Quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>1.3</td> <td>Kiến thức xã hội và kỹ năng</td> <td>12</td> <td>3</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.4</td> <td>Công nghệ thông tin và ngoại ngữ</td> <td>21</td> <td>21</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>THÀNH PHẦN CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH</td> <td>64</td> <td>54</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>2.1</td> <td>Cơ sở ngành</td> <td>20</td> <td>18</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>2.2</td> <td>Cốt lõi ngành</td> <td>44</td> <td>36</td> <td>8</td> </tr> <tr> <td>3.</td> <td>THÀNH PHẦN THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM</td> <td>13</td> <td>7</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>3.1</td> <td>Thực tập và kiến tập</td> <td>7</td> <td>7</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td>3.2</td> <td>Thực tập / Khóa luận tốt nghiệp</td> <td>6</td> <td>0</td> <td>6</td> </tr> </tbody> </table>			TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	THÀNH PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	53	41	12	1.1	Lý luận chính trị	11	11		1.2	Thế chất và Quốc phòng	9	6	3	1.3	Kiến thức xã hội và kỹ năng	12	3	9	1.4	Công nghệ thông tin và ngoại ngữ	21	21		2.	THÀNH PHẦN CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH	64	54	10	2.1	Cơ sở ngành	20	18	2	2.2	Cốt lõi ngành	44	36	8	3.	THÀNH PHẦN THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM	13	7	6	3.1	Thực tập và kiến tập	7	7	0	3.2	Thực tập / Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																			
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																																	
1.	THÀNH PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	53	41	12																																																																	
1.1	Lý luận chính trị	11	11																																																																		
1.2	Thế chất và Quốc phòng	9	6	3																																																																	
1.3	Kiến thức xã hội và kỹ năng	12	3	9																																																																	
1.4	Công nghệ thông tin và ngoại ngữ	21	21																																																																		
2.	THÀNH PHẦN CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH	64	54	10																																																																	
2.1	Cơ sở ngành	20	18	2																																																																	
2.2	Cốt lõi ngành	44	36	8																																																																	
3.	THÀNH PHẦN THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM	13	7	6																																																																	
3.1	Thực tập và kiến tập	7	7	0																																																																	
3.2	Thực tập / Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6																																																																	

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	
		Đại học		
				<p>Giảng viên, nhà nghiên cứu: Tham gia giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu tại các trường đại học, cơ sở giáo dục hoặc viện nghiên cứu, tập trung vào lĩnh vực quản lý nhà nước và chính sách công.</p> <p>Chuyên viên dự án phát triển: Tham gia các dự án phát triển tại các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, hoặc các cơ quan phát triển của chính phủ, đóng góp vào việc triển khai các chương trình nâng cao năng lực quản lý nhà nước và phát triển cộng đồng.</p> <p>Tư vấn viên chính sách và pháp lý: Thực hiện tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ pháp luật và thực hiện các quy trình quản lý nhà nước.</p>

11. Ngành Du lịch (7810101)

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức:</p> <p>PLO1 Giải thích được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội, tôn giáo, lịch sử, triết học và ngôn ngữ, quản trị trong khối ngành khoa học xã hội, dịch vụ và du lịch.</p> <p>PLO2 Áp dụng được các kiến thức về văn hóa, du lịch, tâm lý, sự kiện để xác định nhu cầu của từng thị trường, đối tượng du khách khác nhau; thiết kế các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực du lịch phù hợp nhu cầu thị trường.</p> <p>PLO3 Phân tích, tổng hợp các vấn đề để đánh giá cho đúng thông qua các hoạt động trải nghiệm, thực hiện dự án, đề án môn học, thực tập; hướng tới các vị trí quản lý cấp trung sau tốt nghiệp.</p>	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
				<p>PLO4 Xử lý các vấn đề thực tế trong lĩnh vực du lịch, dựa trên tư duy phân biện và óc quan sát toàn diện.</p> <p>PLO5 Lập được kế hoạch chung và chi tiết, sáng tạo trong thiết kế; tổ chức triển khai các hoạt động du lịch của nhà hàng, khách sạn, lễ hành, sự kiện, các điểm vui chơi, các khu nghỉ dưỡng trung và cao cấp để phục vụ du khách.</p> <p>PLO6 Phát triển ý tưởng kinh doanh du lịch hoặc đưa ra giải pháp thị trường theo nhiều hình thức khác nhau, đưa ra được các dự đoán về xu hướng ngành và nghề nghiệp trong tương lai.</p> <p>PLO7 Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.</p>	
				<p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc nhóm: giúp người học biết hòa đồng, chấp nhận người khác với những ý kiến trái chiều, tự điều chỉnh mình cho phù hợp với môi trường xung quanh và biết hỗ trợ người khác để đạt được mục tiêu chung. - Giao tiếp: kỹ năng nói trước đám đông, trình bày các vấn đề / báo cáo một cách mạch lạc, hiệu quả thông qua việc sử dụng các công cụ truyền thông. - Giao tiếp bằng ngoại ngữ: tiếng Anh / tiếng Hoa / tiếng Hàn tùy theo lựa chọn của người học, ở trình độ bậc 3/6, có khả năng giao tiếp với khách hàng, đồng nghiệp hoặc đối tác khi hành nghề. <p>* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO8: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. 	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học																																							
				Chính quy																																							
				<p>- PLO9: Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dân thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...</p> <p>* Về khả năng hội nhập:</p> <p>- Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản, phối hợp phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động nhóm.</p> <p>- Sử dụng lưu loát các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương.</p>																																							
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>Tương tự ngành CNTT</p>																																							
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<p>Ban hành CTPTD theo Quyết định số 302A/QĐ-DHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1.</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phòng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.2.</td> <td>Ngoại ngữ</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.3.</td> <td>chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.4.</td> <td>Thế chất và quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>NGÀNH</td> <td>71</td> <td>50</td> <td>21</td> </tr> </tbody> </table>		TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phòng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	chính trị	11	11		1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	50	21
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																									
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																							
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																							
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phòng	15	6	9																																							
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																								
1.3.	chính trị	11	11																																								
1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3																																							
2.	NGÀNH	71	50	21																																							

		Đại học				
		Chính quy				
STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ			
				2.1. Cơ sở ngành	24	24
				2.2. Cốt lõi ngành	26	26
				2.3. Chuyên ngành	21	21
				3. TỐT NGHIỆP	6	6
				TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	91
				4. TỰ CHỌN MỞ RỘNG	45	45
				4.1 Song ngành	30	30
				4.2 Ngành phụ	15	15
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.</p>		
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> ❖ Lĩnh vực nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quản lý du lịch - Cơ sở kinh doanh du lịch - Đơn vị tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật, du lịch và sự kiện ❖ Vị trí công việc: <ul style="list-style-type: none"> - Làm nhân viên và quản lý các bộ phận tại các cơ sở lưu trú, các nhà hàng hoặc cơ sở kinh doanh ẩm thực. - Làm việc tại bộ phận điều hành, hoặc hướng dẫn viên tại các doanh nghiệp lữ hành quốc tế và nội địa, hãng vận chuyển khách du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh về giải trí, tổ chức sự kiện. - Làm nhân viên và quản lý trong bộ phận cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho du khách trong các resorts hoặc khách sạn cao cấp, trong các trung tâm nghỉ dưỡng, các viện phục hồi sức khỏe... 		

STT	Nội dung	Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
				<p>- Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương, trở thành chuyên viên, giảng viên tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch.</p> <p>- Làm việc ở bộ phận khác của các doanh nghiệp.</p>	

12. Ngành Quản trị Khách sạn (7810201)

STT	Nội dung	Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mức tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức:</p> <p>PL01 Giải thích được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội, tôn giáo, lịch sử, triết học và ngôn ngữ; quản trị trong khối ngành khoa học xã hội; dịch vụ và du lịch. Áp dụng được các kiến thức về văn hóa, du lịch, tâm lý, sự kiện để xác định nhu cầu của từng thị trường; đối tượng du khách khác nhau; thiết kế các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực du lịch phù hợp nhu cầu thị trường.</p> <p>PL02 Phân tích, tổng hợp các vấn đề để đánh giá cho đúng thông qua các hoạt động trải nghiệm; thực hiện dự án, đề án môn học; thực tập; hướng tới các vị trí quản lý cấp trung sau tốt nghiệp.</p> <p>PL03 Xử lý các vấn đề thực tế trong lĩnh vực du lịch, dựa trên tư duy phân biện và óc quan sát toàn diện.</p> <p>PL04 Lập được kế hoạch chung và chi tiết, sáng tạo trong thiết kế; tổ chức triển khai các hoạt động du lịch của nhà hàng, khách sạn, lễ hành, sự kiện, các điểm vui chơi, các khu nghỉ dưỡng trung và cao cấp để phục vụ du khách.</p>	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
				<p>Phát triển ý tưởng kinh doanh du lịch hoặc đưa ra giải pháp thị trường theo PLO6 nhiều hình thức khác nhau, đưa ra được các dự đoán về xu hướng ngành và nghề nghiệp trong tương lai.</p> <p>Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có PLO7 năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.</p>	
				<p>* Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc nhóm: giúp người học biết hòa đồng, chấp nhận người khác với những ý kiến trái chiều, tự điều chỉnh mình cho phù hợp với môi trường xung quanh và biết hỗ trợ người khác để đạt được mục tiêu chung. - Giao tiếp: kỹ năng nói trước đám đông, trình bày các vấn đề / báo cáo một cách mạch lạc, hiệu quả thông qua việc sử dụng các công cụ truyền thông. - Giao tiếp bằng ngoại ngữ: tiếng Anh/ tiếng Hoa / tiếng Hàn tùy theo lựa chọn của người học, ở trình độ bậc 3/6, có khả năng giao tiếp với khách hàng, đồng nghiệp hoặc đối tác khi hành nghề. <p>* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO8: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. - PLO9: Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dẫn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột... <p>* Về khả năng hội nhập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản, phối hợp phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động nhóm. 	

STT	Nội dung	Trên sĩ	Thạc sĩ	Đại học																																																																
				Chính quy																																																																
				<p>- Sử dụng lưu loát các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương.</p>																																																																
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>Tương tự ngành CNTT</p> <p>Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-DHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p>																																																																
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>GIÁO DỤC TÒNG QUÁT</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1.</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>1.2.</td> <td>Ngoại ngữ</td> <td>18</td> <td>18</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.3.</td> <td>chính trị</td> <td>11</td> <td>11</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.4.</td> <td>Thế chất và quốc phòng</td> <td>9</td> <td>6</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>NGÀNH</td> <td>71</td> <td>50</td> <td>21</td> </tr> <tr> <td>2.1.</td> <td>Cơ sở ngành</td> <td>24</td> <td>24</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.2.</td> <td>Cốt lõi ngành</td> <td>26</td> <td>26</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.3</td> <td>Chuyên ngành</td> <td>21</td> <td></td> <td>21</td> </tr> <tr> <td>3.</td> <td>TỐT NGHIỆP</td> <td>6</td> <td></td> <td>6</td> </tr> <tr> <td></td> <td>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</td> <td>130</td> <td>91</td> <td>39</td> </tr> </tbody> </table>		TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TÒNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	chính trị	11	11		1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	50	21	2.1.	Cơ sở ngành	24	24		2.2.	Cốt lõi ngành	26	26		2.3	Chuyên ngành	21		21	3.	TỐT NGHIỆP	6		6		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	91	39
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																																
1.	GIÁO DỤC TÒNG QUÁT	53	41	12																																																																
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																																
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																																																	
1.3.	chính trị	11	11																																																																	
1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3																																																																
2.	NGÀNH	71	50	21																																																																
2.1.	Cơ sở ngành	24	24																																																																	
2.2.	Cốt lõi ngành	26	26																																																																	
2.3	Chuyên ngành	21		21																																																																
3.	TỐT NGHIỆP	6		6																																																																
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	91	39																																																																

		Đại học																	
		Chính quy																	
STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ																
				<table border="1"> <tr> <td>4.</td> <td>TÙY CHỌN MỞ RỘNG</td> <td>45</td> <td>45</td> <td>45</td> </tr> <tr> <td>4.1</td> <td>Song ngành</td> <td>30</td> <td></td> <td>30</td> </tr> <tr> <td>4.2</td> <td>Ngành phụ</td> <td>15</td> <td></td> <td>15</td> </tr> </table>	4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45	45	45	4.1	Song ngành	30		30	4.2	Ngành phụ	15		15
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45	45	45															
4.1	Song ngành	30		30															
4.2	Ngành phụ	15		15															
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.</p>															
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> ❖ Lĩnh vực nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quản lý du lịch - Cơ sở kinh doanh du lịch - Đơn vị tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật, du lịch và sự kiện ❖ Vị trí công việc: <ul style="list-style-type: none"> - Làm nhân viên và quản lý các bộ phận tại các cơ sở lưu trú, các nhà hàng hoặc cơ sở kinh doanh ẩm thực. - Làm việc tại bộ phận điều hành, hoặc hướng dẫn viên tại các doanh nghiệp lữ hành quốc tế và nội địa, hãng vận chuyển khách du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh về giải trí, tổ chức sự kiện. - Làm nhân viên và quản lý trong bộ phận cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho du khách trong các resorts hoặc khách sạn cao cấp, trong các trung tâm nghỉ dưỡng, các viện phục hồi sức khỏe... - Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương, trở thành chuyên viên, giảng viên tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch. - Làm việc ở bộ phận khác của các doanh nghiệp. 															

13. Ngành Ngôn ngữ Anh (7220201)

STT	Nội dung	Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức và kỹ năng:</p> <p>PL01 Sử dụng lưu loát các kỹ năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt trình độ tương đương IELTS 6.5.</p> <p>PL02 Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh (ví dụ như cú pháp học, ngữ âm học và âm vị học) vào đời sống và công việc.</p> <p>PL03 Áp dụng linh hoạt kiến thức về khoa học xã hội và ngôn ngữ ứng dụng phục vụ cho đời sống và công việc.</p> <p>PL04 Phát triển tư duy về mặt ngôn ngữ và kỹ năng công dân toàn cầu, thích nghi với môi trường làm việc trong và ngoài nước.</p> <p>PL05 Nắm rõ kiến thức cơ bản về ngành và biết các phương pháp ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế.</p> <p>PL06 Thực hiện được các kỹ năng quan trọng trong từng định hướng ngành đã chọn.</p> <p>PL07 Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.</p> <p>PL08 Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.</p> <p>PL09 Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại.</p>	
* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp:					

			<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các quy tắc đạo đức và hành vi chuyên nghiệp thích hợp để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch và/hoặc tiếng Anh thương mại – du lịch; - Vận dụng kiến thức và kỹ năng của ngành trong các công việc phục vụ lợi ích của xã hội; - Yêu nghề; có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; sống trung thực, lành mạnh. Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu chung. <p>* Về khả năng hội nhập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản, phối hợp phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động nhóm; - Sử dụng lưu loát các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt chứng chỉ IELTS 6.0 hoặc tương đương; 	<p>Tương tự ngành CNTT</p>																														
3	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>			<p>Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-ĐHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p>																														
4	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</p>		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2" style="text-align: center;">TT</th> <th rowspan="2" style="text-align: center;">Khối kiến thức</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Tổng cộng</th> <th style="text-align: center;">Lựa chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1.</td> <td style="text-align: center;">Giáo dục tổng quát</td> <td style="text-align: center;">53</td> <td style="text-align: center;">41</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1.1</td> <td style="text-align: center;">Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td style="text-align: center;">15</td> <td style="text-align: center;">6</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1.2</td> <td style="text-align: center;">Ngoại ngữ</td> <td style="text-align: center;">18</td> <td style="text-align: center;">18</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1.3</td> <td style="text-align: center;">Chính trị</td> <td style="text-align: center;">11</td> <td style="text-align: center;">11</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1.4</td> <td style="text-align: center;">Thể chất và quốc phòng</td> <td style="text-align: center;">9</td> <td style="text-align: center;">6</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td style="text-align: center;">9</td> <td style="text-align: center;">3</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tổng cộng	Lựa chọn	1.	Giáo dục tổng quát	53	41	1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	1.2	Ngoại ngữ	18	18	1.3	Chính trị	11	11	1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6			9	3	
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																
		Tổng cộng	Lựa chọn																															
1.	Giáo dục tổng quát	53	41																															
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6																															
1.2	Ngoại ngữ	18	18																															
1.3	Chính trị	11	11																															
1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6																															
		9	3																															

					<ul style="list-style-type: none"> - Thư ký, trợ lý trong các công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia; - Học sinh viên có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.
--	--	--	--	--	--

14. Đông phương học – Tiếng Hàn Quốc (7310608)

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
					Chính quy
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức và kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PLO1: Nắm vững và hiểu biết những tri thức cơ bản về KHXH&NV kinh tế, xã hội, tôn giáo, bản sắc, lịch sử, triết học và ngôn ngữ, dịch vụ, quan hệ quốc tế, kinh doanh. - PLO2: Áp dụng kiến thức khu vực học một cách có hệ thống, khả năng hiểu và diễn đạt vận dụng tiếng Hàn, am hiểu sâu rõ về văn hóa Hàn Quốc làm cơ sở cho việc nghiên cứu đất nước, con người Hàn Quốc. - PLO3: Phân tích và tổng hợp chuyên sâu các vấn đề về ngôn ngữ, văn hóa, biên-phiên dịch thông qua các hoạt động thực nghiệm thực hiện dự án, đề án môn học, thực tập để đánh giá một cách khách quan. 	

			<ul style="list-style-type: none"> - PL04: Giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ, dựa trên tư duy phân biện và sự quan sát toàn diện. - PL05: Có khả năng nghiên cứu phương pháp giảng dạy học, hiểu biết chung về tâm lý học, soạn giáo án, xây dựng kế hoạch từ đó định hướng được nghề nghiệp trong tương lai. - PL06: Biết giải quyết linh hoạt các vấn đề dưới nhiều hình thức đa dạng; nhằm vận dụng kiến thức đã học vào trong tương lai, có xu hướng và dự đoán thời đại. <p>* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PL0.8: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, tinh thần đồng đội và quan hệ xã hội: văn hóa, dân tộc, giới tính, giá trị, niềm tin, v.v. có hành động và hành vi phù hợp trong nhiều tình huống khác nhau trong cuộc sống và công việc. - PL0.9: Có thói quen cân nhắc và xem xét khía cạnh đạo đức của hành động, hành vi và quyết định của cá nhân. Quan tâm, sẵn sàng tham gia vào các vấn đề lớn, liên tục của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, nghèo đói, xung đột. - Vận dụng kiến thức và kỹ năng để phục vụ lợi ích cộng đồng xã hội; - Luôn tâm huyết với nghề, trung thực, cuộc sống lành mạnh; <p>* Về khả năng hội nhập và học tập suốt đời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PL07: Tạo thói quen tư duy đa chiều, học vấn và sáng tạo; tự học; nâng cao năng lực ngôn ngữ Việt - Hàn và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. - Có năng lực tự tin giao tiếp công việc hiệu quả, tích cực chủ động phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động đoàn thể; - Có khả năng đạt chứng chỉ tiếng Hàn quốc tế Topik cấp 3 trở lên;
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<p>Tương tự ngành CNTT</p>
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<p>Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-DHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p>

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9
1.2	Ngoại ngữ	18	18	
1.3	Chính trị	11	11	
1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	Ngành	71	65	6
2.1	Cơ sở	15	15	
2.2	Cốt lõi	24	24	
2.3	Chuyên ngành	26	26	
2.4	Lựa chọn liên ngành	6		6
3.	Tốt nghiệp	6		6
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	106	24
4.	Tùy chọn mở rộng	45		45
4.1	Song ngành	30		30
4.2	Ngành phụ	15		15
5	Khả năng học tập, năng cao trình độ sau khi ra trường	<p>Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.</p>		
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<p>❖ Lĩnh vực nghề nghiệp: - Giáo dục – đào tạo - Thương mại – dịch vụ - Truyền thông - Cơ quan nhà nước - Tổ chức phi chính phủ</p>		

			<ul style="list-style-type: none"> ❖ Vị trí nghề nghiệp: - Chuyên viên, trợ giảng, giáo viên giảng dạy tiếng Hàn tại các cơ sở giáo dục như trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ, trường cấp 2, 3. - Quản lý, trợ lý, chuyên viên, nhân viên, tiếp viên hàng không, hướng dẫn viên tại những doanh nghiệp Hàn Quốc, doanh nghiệp Việt Nam, nhà hàng, khách sạn, sân bay. - Nhân viên dịch thuật, quản lý nội dung, phát thanh viên cho toà soạn báo, đài truyền hình, công ty truyền thông. - Chuyên viên, nhân viên tại đại sứ quán, lãnh sự quán, sở ngoại vụ, bộ ngoại giao, viện nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ. - Chuyên viên, nhân viên tại các tổ chức như Koica, Kocham, Quỹ giao lưu hợp tác quốc tế, hội hữu nghị. - Học cao học: Dù điều kiện đăng ký nhập học hoặc xin học bổng chương trình đào tạo Thạc sĩ tại Hàn Quốc với những chuyên ngành tổng hợp liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, lịch sử, chính trị, xã hội.
--	--	--	---

15. Đông phương học – Tiếng Trung Quốc (7310608)

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức và kỹ năng:</p> <p>PL01 Có sự hiểu biết về văn hóa phương Đông;</p> <p>PL02 Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ Trung; biết so sánh đối chiếu với ngôn ngữ Việt;</p> <p>PL03 Nắm vững kiến thức về văn hóa Trung Quốc; biết so sánh đối chiếu hai nền văn hóa Việt – Trung;</p> <p>PL04 Có năng lực tiếng Trung tương đương HSK, HSKK cấp 5/6 trở lên;</p>	

3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học				<p>PLO5 Nắm vững phương pháp dịch thuật, phương pháp giảng dạy tiếng Trung hiệu quả;</p> <p>PLO6 Có sự hiểu biết cơ bản về quy trình làm việc các ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch và truyền thông, đồng thời có năng lực sử dụng tiếng Trung trong các công việc tương ứng;</p> <p>PLO7 Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.</p> <p>PLO8 Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.</p> <p>PLO9 Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...</p> <p>* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp: - Luôn giữ được tinh thần tích cực và thái độ làm việc có trách nhiệm, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi môi trường làm việc; Vận dụng kiến thức và kỹ năng để phục vụ lợi ích cộng đồng xã hội; Luôn tâm huyết với nghề, trung thực, cuộc sống lành mạnh;</p> <p>* Về khả năng hội nhập: - Có năng lực tự tin giao tiếp công việc hiệu quả, tích cực chủ động phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động đoàn thể; - Có khả năng đạt chứng chỉ tiếng Trung quốc tế HSK cấp 4;</p>
	Tương tự ngành CNTT				

Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302A/QĐ-DHTBD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương

4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện					Số tín chỉ				
						TT	Khối kiến thức	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
						1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12
						1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9
						1.2	Ngoại ngữ	18	18	
						1.3	Chính trị	11	11	
						1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
						2.	Ngành	71	65	6
						2.1	Cơ sở ngành	15	15	
						2.2	Cốt lõi ngành	27	27	
						2.3	Chuyên ngành	23	23	
						2.4	Lựa chọn liên ngành	6		6
						3.	Tốt nghiệp	6		6
						TỔNG SỐ TÍN CHỈ		130	106	24
						4.	Tùy chọn mở rộng	45		45
4.1	Song ngành	30		30						
4.2	Ngành phụ	15		15						
5	Khả năng học tập, năng cao trình độ sau khi ra trường									
6	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp									

Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.

❖ Lĩnh vực nghề nghiệp:

- Thương mại – dịch vụ;
- Nhà hàng - khách sạn;

				<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông - báo chí; - Tổ chức chính phủ - phi chính phủ. ❖ Vị trí nghề nghiệp: - Phiên dịch viên, nhân viên văn phòng, trợ lý... các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; - Dịch thuật cho các nhà xuất bản, trung tâm phát hành sách báo, phim ảnh, truyền thông; - Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, nhân viên quản lý, điều hành... tại các công ty kinh doanh dịch vụ lữ hành; - Giáo viên giảng dạy tiếng Trung cho các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ; - Cử khả năng du học nâng cao chuyên môn hoặc học vị thạc sĩ trong nước hoặc nước ngoài.
--	--	--	--	---

16. Truyền thông đa phương tiện (7320104)

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
					Chính quy
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức:</p> <p>Nắm vững những vấn đề cốt lõi của luật pháp, đạo đức báo chí, truyền thông và quan hệ công chúng; các quy định, các chức năng cơ bản và nguyên lý hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức để vận dụng hiệu quả trong lĩnh vực truyền thông</p> <p>PLO1</p>	<p>Hiểu rõ lịch sử và vai trò của các lý thuyết truyền thông chính cũng như các định chế truyền thông đang tạo dựng diện mạo của nền truyền thông hiện đại</p> <p>PLO2</p>
					<p>Hiểu biết về sự đa dạng của các dân tộc và văn hóa cũng như tầm quan trọng và ảnh hưởng của truyền thông đại chúng trong xã hội toàn cầu.</p> <p>PLO3</p>

			<p>* Kỹ năng:</p> <p>Hiểu biết một cách sâu rộng các lý thuyết truyền thông và sử dụng các lý thuyết</p> <p>PL04 này nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông, truyền tải thông tin và hình ảnh.</p> <p>PL05 Tiến hành nghiên cứu và đánh giá thông tin bằng các phương pháp phù hợp với ngành nghề truyền thông cùng khả năng tư duy phê phán, sáng tạo và độc lập</p> <p>PL06 Áp dụng công cụ và công nghệ phù hợp cho ngành truyền thông đa phương tiện, bao gồm hiểu biết về thế giới số hóa.</p>																		
			<p>* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>PL07 Tự giác phát triển kỹ năng và kiến thức, chuẩn bị cho sự nghiệp trong ngành truyền thông đa phương tiện.</p> <p>PL08 Duy trì một thái độ có trách nhiệm với xã hội và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>PL09 Phát triển tinh thần làm việc nhóm, hợp tác và hỗ trợ đồng nghiệp.</p> <p>* Về khả năng hội nhập:</p> <p>- Tự giác phát triển kỹ năng và kiến thức, chuẩn bị cho sự nghiệp trong ngành truyền thông đa phương tiện, với tinh thần tự chủ và tự chịu trách nhiệm.</p>																		
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<p>Tương tự ngành CNTT</p>																		
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<p>Ban hành CTDĐT theo Quyết định số 68/QĐ-DHTBD ngày 28/3/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương</p> <table border="1" data-bbox="103 862 351 2016"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Khối kiến thức</th> <th colspan="3">Số tín chỉ</th> </tr> <tr> <th>Tổng cộng</th> <th>Bắt buộc</th> <th>Tự chọn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>Giáo dục tổng quát</td> <td>53</td> <td>41</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>1.1</td> <td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td> <td>15</td> <td>6</td> <td>9</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12	1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																			
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																	
1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12																	
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																	

				<ul style="list-style-type: none"> - Các vị trí xử lý thông tin, lên kế hoạch nội dung, viết tin bài, nội dung truyền thông tại các cơ quan báo chí, doanh nghiệp, tổ chức, như: <ul style="list-style-type: none"> + Chuyên viên sáng tạo nội dung (Copywriter) + Chuyên viên truyền thông nội bộ (Internal communication specialist) + Phóng viên (Reporter) + Biên tập viên (Editor) <p>Có khả năng mở công ty, doanh nghiệp chuyên về tư vấn truyền thông, quan hệ công chúng.</p>
--	--	--	--	--

17. Thiết kế đồ họa (7210403)

STT	Nội dung	Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
					Chính quy
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT	
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>* Kiến thức:</p> <p>PL01 Nhận diện các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực thiết kế đồ họa</p> <p>PL02 Nhận diện những vấn đề về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong các hoạt động sáng tạo sản phẩm đồ họa</p> <p>PL03 Xác định được các yếu tố cấu thành tính thẩm mỹ cho sản phẩm thiết kế</p> <p>PL04 Vận dụng các phương pháp thiết kế đồ họa để thể hiện một cách hiệu quả sản phẩm thị giác đáp ứng thị trường thiết kế đồ họa truyền thông.</p> <p>PL05 Sử dụng thành thạo các công cụ kỹ thuật số và các phần mềm đồ họa để thiết kế các sản phẩm đồ họa truyền thông đa phương tiện.</p> <p>* Kỹ năng:</p> <p>PL06 Vận dụng kỹ năng mỹ thuật cơ bản vào việc thiết kế sản phẩm đồ họa truyền thông.</p> <p>PL07 Thể hiện khả năng cảm thụ nghệ thuật</p>	

				PLO8 Thể hiện khả năng làm việc độc lập triển khai các sản phẩm đồ họa
				* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp: PLO9 Thể hiện khả năng giao tiếp đa phương tiện hiệu quả với nhiều đối tượng khác nhau.
				* Về khả năng hội nhập: Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, tư duy sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, hợp tác, giúp đỡ mọi người trong công việc, tôn trọng tổ chức công đồng và kỹ năng giao tiếp hiệu quả để có thể thích nghi với môi trường làm việc đầy thử thách và luôn tuân theo những chuẩn mực đạo đức trong môi trường công việc.
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			Tương tự ngành CNTT
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 66/QĐ-ĐHTBD ngày 28/3/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	Giáo dục tổng quát	53	41	12
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9
1.2	Ngoại ngữ	18	18	
1.3	Chính trị	11	11	
1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	Ngành	71	59	6
2.1	Cơ sở ngành	23	23	
2.2	Cốt lõi ngành	24	18	6

				<p>- Chuyên viên thiết kế đồ họa sản phẩm (Product Graphic Designer): Chuyên về thiết kế trực quan cho các sản phẩm vật lý hoặc kỹ thuật số, bao gồm bao bì sản phẩm, nhãn hiệu và hướng dẫn sử dụng.</p> <p>- Chuyên viên thiết kế đồ họa trò chơi (Game Graphic Designer): Tạo ra các hình ảnh, mô hình 3D, hình nền và các yếu tố đồ họa khác cho trò chơi điện tử.</p> <p>- Chuyên viên thiết kế đồ họa truyền thông (Media Graphic Designer): Tạo ra các sản phẩm truyền thông trực quan cho truyền hình, phim, truyền thông kỹ thuật số. - Khả năng học tập nâng cao trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ sau khi ra trường và tham gia giảng dạy ở các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành Thiết kế Đồ họa. - Làm việc với các vị trí thiết kế hoặc quản lý thiết kế tại các công ty trong và ngoài nước.</p>
--	--	--	--	--

Khánh Hòa, ngày 4 tháng 4 năm 2026 *luy*

HIỆU TRƯỞNG



NGND.PGS.TS. Hồ Thanh Phong